

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HS-ST.
Ngày 06/3/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Mai Thanh Chúc.

- Ông Bùi Văn Cuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS, ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với:

Bị cáo Hồ Thanh T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1980, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1960 vợ tên Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2016); con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012. Anh, chị, em ruột có 04 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HS-ST, ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa nộp án phí nên chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không; nhân thân: Xấu. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/11/2023, đến ngày 04/11/2023 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Võ Thị H1, sinh năm 1952. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Hồ Thanh P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

- Chị Giáp Thu T2, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

- Bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 27/10/2023, bị cáo Hồ Thanh T đi đến nhà bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1964 (là di của bị cáo) để xin tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo ngủ lại trong Đình Minh T3 thuộc khóm M, thị trấn C, huyện C, sáng ngày 28/10/2023 bị cáo rời đi, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điện thoại nhờ Giáp Thu T2 (là em dâu bị cáo) chở bị cáo từ Trường Trung học Phổ thông D đi đến trước cổng Đình Minh T3, đến nơi bị cáo xuống xe, còn chị T2 điều khiển xe về nhà.

Khi vào trong sân Đ2, bị cáo quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu xám đen, biển số 84H1-142.60 của bà Võ Thị H1, ngụ khóm M, thị trấn C, huyện C (bà H1 là người trông coi quản lý Đ2) đang dựng trong sân Đ2, trên yên xe có sẵn chìa khóa và nón bảo hiểm màu xanh. Quan sát thấy không có người trông coi, bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm xe đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lúc này, bị cáo đi đến xe mô tô lấy nón bảo hiểm trên xe để xuống bậc thềm tại cửa Đ2, lấy chìa khóa có sẵn trên yên xe cắm vào ổ khóa, lén lút dẫn xe ra ngoài cổng Đ2, khởi động xe nhanh chóng chạy khỏi hiện trường. Đi được một đoạn, bị cáo dừng lại kiểm tra trong cốp xe phát hiện có Giấy đăng ký xe và căn cước công dân mang tên Võ Thị H1. Tiếp đó, bị cáo điện thoại nhờ em ruột tên Hồ Thanh P mang xe mô tô vừa trộm được đi cầm cố, anh Hồ Thanh P nhận xe từ bị cáo rồi

đem đến tiệm C1 tại ấp C, xã H, huyện C do chị Nguyễn Thị C làm chủ, cầm xe mô tô được số tiền 3.600.000 đồng, P đưa hết số tiền này cho bị cáo, bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận cầm xe mô tô của P mang đến, chị C đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Tấn Đ, ngụ ấp M, xã M, huyện C với số tiền là 4.500.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 28/10/2023, bà Võ Thị H1 phát hiện xe bị mất trộm, bà đến Công an trình báo sự việc. Đến ngày 01/11/2023 bị cáo đến Công an đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên. Quá trình làm việc, Công an đã thu hồi được xe mô tô cùng giấy đăng ký xe và căn cước công dân để trả lại cho bị hại bà Võ Thị H1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 43/KL.HĐĐG ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 84H1-142.60, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen xám tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngày 03/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Hồ Thanh T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo để phục vụ công tác điều tra.

- Đối với chị Giáp Thu T2 là người chở bị cáo đến Đình Minh T3, sau đó bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị T2 không biết nên không xử lý.

- Đối với chị Nguyễn Thị C là chủ tiệm cầm đồ và anh Nguyễn Tấn Đ là chủ cửa hàng mua bán xe cũ, chị C và anh Đ không biết xe mô tô biển số 84H1-142.60 do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý. Quá trình điều tra, chị C đã giao nộp lại căn cước công dân của chủ xe, anh Đ tự nguyện giao nộp lại xe và giấy tờ xe cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Hồ Thanh P là người được bị cáo nhờ mang xe mô tô biển số 84H1-142.60 đi cầm, sau đó đưa hết số tiền cầm xe cho bị cáo, anh P không có hưởng lợi trong vụ án này và không biết chiếc xe này do bị cáo trộm cắp mà có được nên không xem xét xử lý.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển số 84H1-142.60, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen xám đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 căn cước công dân mang tên Võ Thị H1. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại bà Võ Thị H1 nhận xong.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Võ Thị H1 đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm cùng giấy tờ có liên quan, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Tấn Đ đã nhận lại đủ số tiền 4.500.000 đồng tiền mua xe từ chị Nguyễn Thị C, anh Đ không yêu cầu gì thêm nên.

- Chị Nguyễn Thị C – chủ tiệm cầm đồ Diễm T4 yêu cầu bị cáo trả lại 3.600.000 đồng tiền cầm cố xe, đến nay bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS-HS, ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Hồ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hồ Thanh T khai nhận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/10/2023, bị cáo đi đến Đình Minh T3 thuộc khóm M, thị trấn C, huyện C để tìm người thân, khi vào sân Đ2, bị cáo quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, biển số 84H1-142.60 của bà Võ Thị H1 đang dựng trước cổng Đ2, thấy không có người trông coi, bị cáo lên lúc lấy trộm xe mô tô đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo thống nhất kết quả định giá xe mô tô bị cáo lấy trộm có giá trị là 4.000.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

- Tại phiên tòa bị hại bà Võ Thị H1: Vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị là chủ tiệm cầm đồ Diễm Thu. Ngày 28/10/2023 chị có nhận cầm cố xe mô tô biển số 84H1-142.60 với số tiền 3.600.000 đồng, chị không biết xe mô tô cầm cố là do bị cáo trộm cắp mà có được, chị đã giao nộp lại căn cước công dân của chủ xe cho Cơ quan Điều tra xử lý. Nay chị yêu cầu bị cáo trả lại 3.600.000 đồng tiền cầm cố xe, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả lại số tiền 3.600.000 đồng cho chị C.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đ3 đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Buộc bị cáo trả lại cho chị C số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Hồ Thanh T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Võ Thị H1 là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 16 giờ ngày 27/10/2023, bị cáo Hồ Thanh T đi đến nhà bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1964 (là dì của bị cáo) để xin tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo ngủ lại trong Đình Minh T3 thuộc khóm M, thị trấn C, huyện C, sáng ngày 28/10/2023 bị cáo rời đi, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điện thoại nhờ Giáp Thu T2 (là em dâu bị cáo) chở bị cáo từ Trường Trung học Phổ thông D đi đến trước cổng Đình Minh T3, đến nơi bị cáo xuống xe, còn chị T2 điều khiển xe về nhà.

Khi vào trong sân Đ2, bị cáo quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu xám đen, biển số 84H1-142.60 của bà Võ Thị H1, ngụ khóm M, thị trấn C, huyện C (bà H1 là người trông coi quản lý Đ2) đang dựng trong sân Đ2, trên yên xe có sẵn chìa khóa và nón bảo hiểm màu xanh. Quan sát thấy không có người trông coi, bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm xe đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lúc này, bị cáo đi đến xe mô tô lấy nón bảo hiểm trên xe để xuống bậc thềm tại cửa Đ2, lấy chìa khóa có sẵn trên yên xe cắm vào ổ khóa, lén lút dẫn xe ra ngoài cổng Đ2, khởi động xe nhanh chóng chạy khỏi hiện trường. Đi được một đoạn, bị cáo dừng lại kiểm tra trong cốp xe phát hiện có Giấy đăng ký xe và căn cước công dân mang tên Võ Thị H1. Tiếp đó, bị cáo điện thoại nhờ em ruột tên Hồ Thanh P mang xe mô tô vừa trộm được đi cầm cố, anh Hồ Thanh P nhận xe từ bị cáo rồi đem đến tiệm C1 tại ấp C, xã H, huyện C do chị Nguyễn Thị C làm chủ, cầm xe mô tô được số tiền 3.600.000 đồng, P đưa hết số tiền này cho bị cáo, bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận cầm xe mô tô của P mang đến, chị C đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Tấn Đ, ngụ ấp M, xã M, huyện C với số tiền là 4.500.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 28/10/2023, bà Võ Thị H1 phát hiện xe bị mất trộm, bà đến Công an trình báo sự việc. Đến ngày 01/11/2023 bị cáo đến Công an đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên. Quá trình làm việc, Công an đã thu hồi được xe mô tô cùng giấy đăng ký xe và căn cước công dân để trả lại cho bị hại bà Võ Thị H1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 43/KL.HĐĐG ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 84H1-142.60, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen xám tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa

đôi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã lên lúc trộm cắp xe của bà Võ Thị H1 rồi nhờ em ruột tên Hồ Thanh P đem xe đi cầm cho chị Nguyễn Thị C với số tiền 3.600.000 đồng, khi có được tiền, bị cáo tiêu xài hết, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; người thân bị cáo có công cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại mục đích cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội.

Xét bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2017/HS-ST, ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa nộp án phí nên chưa xóa án tích. Mặt khác năm 2016 bị cáo bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác số tiền 2.000.000 đồng.

Qua đó bị cáo không biết tự sửa chữa khắc phục hành vi sai trái của mình, không vi phạm pháp luật, để trở thành người công dân sống lương thiện, nhưng bị cáo không làm được việc này, tính đến ngày 28/10/2023 tiền án vẫn còn (do bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm), bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, là thuộc trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự, từ đó thể hiện bị cáo bất chấp xem thường pháp luật cũng như tài sản của người khác. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa bị hại bà Võ Thị H1 vắng mặt, tuy nhiên bà H1 đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm cùng các giấy tờ có liên quan, tại các biên bản ghi lời khai bà H1 không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Anh Nguyễn Tấn Đ đã nhận lại đủ số tiền 4.500.000 đồng tiền mua xe từ chị Nguyễn Thị C, anh Đ cũng không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với chị Nguyễn Thị C – chủ tiệm cầm đồ Diễm T4 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.600.000 đồng tiền cầm cố xe, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị C và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hồ Thanh T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hồ Thanh T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thanh T nộp 200.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thanh T nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm